

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS - PT

Ngày: 10-10-2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLPT - DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1963

Cư trú: Số 342, tổ 12, khóm 4, thị trấn B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp Trường H xã Trung N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Bé B, sinh năm 1964

2. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1980
3. Chị Huỳnh Thị Huỳnh E, sinh năm 1981
4. Chị Huỳnh Thị Huỳnh R, sinh năm 1984
5. Anh Huỳnh Văn Nô A, sinh năm 1989
6. Anh Huỳnh Văn Đô D, sinh năm 1991
7. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981
8. Anh Trần Văn C, sinh năm 1978
9. Anh Đoàn Chánh T, sinh năm 1984
10. Chị Trần Thị D, sinh năm 1991

Cùng cư trú: ấp Trường H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

11. Chị Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1994

ĐKHKTT: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

Nơi tạm trú: ấp Trường H, xã Trung N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

12. Ông Lê Chơn N, sinh năm 1951

Cư trú: Số 342, tổ 12, khóm 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

13. Ủy ban nhân dân huyện V

Người làm chứng:

- Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-9-2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

Nguyên vào năm 2007, cha bà là ông Huỳnh Văn C có tặng cho bà thừa số 623, diện tích 2.023,8m², thửa 427, diện tích 1.386,1m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà đã làm thủ tục tách bộ sang tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2013 thửa đất số 427 bà đã đăng ký đổi thành thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2013.

Trước năm 2013, vợ chồng ông Huỳnh Văn S đã lấy phần đất tại thửa số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m², cầm cố cho ông Nguyễn Văn T ở ấp T H, xã N với số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) đến ngày

30/03/2014 bà mới xuất tiền ra trả lại cho ông T để chuộc lại đất. Hiện nay 02 phần đất này do ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B quản lý, sử dụng.

Tại thửa đất 623 có 01 căn nhà của ông Huỳnh Văn S cất nhà ở từ trước đến nay. Cha bà là ông Huỳnh Văn C sống chung với vợ chồng ông S, sau đó vợ chồng ông S đi làm thuê để ông C cho con trai ông S nuôi cho đến khi ông C mất.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B trả lại phần đất tại thửa số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m² cho bà quản lý, sử dụng. Còn thửa số 623, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.978,1m² có gắn liền với căn nhà ông S, bà B đang ở, một số cây trồng và mồ mã của cha mẹ bà đồng ý giao lại cho gia đình ông S, bà B sử dụng theo như nguyện vọng lúc còn sống của ông C. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 55 và thửa số 623 bà đang giữ không có thể chấp tại Ngân hàng. Đối với số tiền chuộc đất và thời gian canh tác trên phần đất thửa 55 của gia đình ông B và bà B từ trước cho đến nay thì bà B không có yêu gì. Về cây trồng, nhà và vật kiến trúc trên đất thì phần đất công nhận cho ai thì người đó được hưởng toàn bộ. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì thêm.

** Tại bản khai ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày:*

Hai phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông, ông S là người sống chung và nuôi dưỡng cha cho đến ngày mất. Ông là người trực tiếp quản lý và canh tác trên 02 phần đất này. Cha của ông S là ông Huỳnh Văn C đã mất năm 2014. Lúc ông C còn sống thì ông C có làm giấy tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B hay không thì ông không biết. Sau khi ông C mất thì ông Sáu mới biết bà B đã được đứng tên quyền sử dụng đất đối với hai thửa số 55 và 623.

Vào năm 2011 thì gia đình ông S đã cất nhà kiên cố cột đúc, vách tường, nền lát gạch men trên thửa đất số 623.

Phần đất thửa số 55 nhà nước có mốc 01 con kinh ngang qua, từ trước đến nay vợ chồng ông chỉ trồng lúa vẫn giữ nguyên hiện trạng không có cải tạo gì thêm. Ông S thống nhất theo biên bản định giá ngày 07/4/2015. Trên phần đất thửa số 55 có một số cây chuối do ông bà B trồng.

Nay ông S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B là yêu cầu ông phải trả lại phần đất thửa số 55. Đồng thời, ông S yêu cầu phản tố là hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn C tặng cho bà Huỳnh Thị B tại thửa số 55, thửa số 623 bởi vì việc ông C tặng cho quyền sử dụng đất bà B ở 02 thửa đất này là bất hợp pháp và công nhận cho vợ chồng ông được

đứng tên hợp pháp quyền sử dụng đất thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích đo đạc thực tế 1.332,5m² đất ruộng, thửa đất số 623, diện tích đo đạc thực tế là 1.978,1m² đất vườn, cả 02 thửa cùng tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông S sẽ lại tiền chuộc đất cho bà B là 15.000.000đ. Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B thì đối với cây trồng trên đất tại thửa số 55 có giá trị không lớn nên ông S không yêu cầu bà B phải trả lại giá trị cho ông.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chơn N:*

Ông N thống nhất theo ý kiến của bà B và không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bé B:*

Bà B thống nhất theo ý kiến của ông S và không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn C, chị Huỳnh Thị Huỳnh E, chị Huỳnh Thị Huỳnh R, anh Huỳnh Văn Nô A, anh Huỳnh Văn Đô D, chị Phạm Thị H, anh Trần Văn C, anh Đoàn Chánh T, chị Trần Thị D, chị Võ Thị Mỹ D trình bày:*

Các anh chị thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông S và bà B và không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Tại công văn số 756/UBND ngày 23-9-2016 thì Ủy ban nhân dân huyện V có ý kiến:*

Ông Huỳnh Văn C tặng cho quyền sử dụng đất cho bà B tại thửa đất 55 và thửa số 623 là đúng trình tự, thủ tục và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B tại 02 thửa trên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

** Người làm chứng bà Huỳnh Thị P trình bày:*

Bà Phước là con nuôi của ông C. Trước đây thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C gửi ở Ngân hàng giữ. Việc ông C có tặng cho quyền sử dụng đất cho bà B hay không thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 167, Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 3, 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B.

Buộc gia đình ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B phải trả lại cho bà Huỳnh Thị B thửa đất số 55, diện tích 1.332,5m², đất tọa lạc tại ấp H, xã N,

huyện V, tỉnh Vĩnh Long (trích đo kèm theo). Bà Huỳnh Thị B được quyền sở hữu đối với cây trồng trên thửa số 55.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị B. Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị B ngày 22-11-2007 tại thửa đất số 623, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.978,1m², tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 623 do bà Huỳnh Thị B đứng tên trên mặt bốn vào ngày 05-01-2008. Công nhận cho ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thửa số 623, diện tích 1.978,1m² (trích đo kèm theo). Ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B được quyền sở hữu đối với cây trồng, nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 623.

Các đương sự được quyền đi đăng ký kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản, nghĩa vụ nộp án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 08/6/2018 bị đơn ông Huỳnh Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho ông và bà Huỳnh Thị Bé B được quyền sử dụng đất diện tích 1.332,5m² đất tại thửa đất 55, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B thỏa thuận được với nhau như sau: Ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B thống nhất giao cho bà Huỳnh Thị B 13.000.000đồng tiền chuộc đất và 27.000.000đồng tiền đất tổng hai khoản này là 40.000.000đồng, bà Huỳnh Thị B phải giao trả cho vợ chồng ông được sử dụng thửa đất số 55, diện tích 1.332,5m², bà Huỳnh Thị B cũng thống nhất yêu cầu của ông S, bà Bé B.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự, nguyên đơn đồng ý hủy hợp đồng tặng cho thửa đất 55, bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn tổng số tiền 40 triệu đồng. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến vị Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2018 đến ngày 08/6/2018 ông Huỳnh Văn S có đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ và ông S có nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Phần đất tranh chấp là thửa đất số 623, diện tích 2.023,8m², thửa đất số 427, diện tích 1.386,1m² tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Văn C làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B.

Theo công văn số 806/UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V (BL 225) xác định theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa của thửa đất năm 1991 (chương trình đất) ông Huỳnh Văn C kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lần đầu) gồm các thửa: Thửa đất 427, diện tích 1.440m², loại đất lúa, thửa đất 623, diện tích 2.080m² loại đất thổ vườn là cấp cho hộ gia đình ông Huỳnh Văn C. Đến năm 2007 ông C có đơn xin đo đạc tách thửa và được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 427, diện tích 1.386,1m², loại đất lúa, thửa đất 623, diện tích 2.023,8m² loại đất vườn đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bên cạnh đó tại bản xác nhận số 78/XN- CAH- HS ngày 07/9/2018 của Công an huyện V thì nhân khẩu ông Huỳnh Văn C làm chủ hộ gồm: Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị Bé B, Huỳnh Văn C, Huỳnh Thị Huỳnh E, Huỳnh Thị Huỳnh R, Huỳnh Văn Đô D, Huỳnh Văn No A. Vào ngày

22/11/2007 ông Huỳnh Văn C làm hợp đồng tặng cho bà Huỳnh Thị B 02 thửa đất 623, 427 mà không có sự thống nhất của các thành viên hộ gia đình ông C là không phù hợp với quy định khoản 2 Điều 146 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2004 và khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Dân sự 2005. Xét thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông C và bà B đối với 02 thửa đất 623, 427 và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B đứng tên 02 thửa đất số 623, 427 (nay là thửa đất số 55) là không phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm bà B đã thỏa thuận giao cho ông Huỳnh Văn S sử dụng phần thửa đất 623 chỉ còn lại là thửa đất 55 tại phiên tòa phúc thẩm bà B và ông S, bà Bé B cũng thỏa thuận là bà B giao cho ông S, bà Bé B quản lý sử dụng và đứng tên thửa đất 427, diện tích 1.386,1m², loại đất lúa (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2013) nhưng ông S, bà Bé B phải trả cho bà B 13.000.000đồng tiền chuộc đất và 27.000.000đồng tiền giá trị đất tổng cộng là 40.000.000đồng, ông S bà B cũng thống nhất.

Từ những nội dung nêu trên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn S. Sửa bản án sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị B giao cho hộ ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B được quyền quản lý sử dụng và đứng tên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B có nghĩa vụ phải trả cho bà B 13.000.000đồng tiền chuộc đất và 27.000.000đồng tiền giá trị đất tổng cộng là 40.000.000đồng.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị B của thửa đất số 427 diện tích 1.386,1m² (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m²) lập ngày 22/11/2007 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55 do bà Huỳnh Thị B đứng tên cấp ngày 23/8/2013.

[5] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B có đơn xin giảm miễn án phí phù hợp với Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 109, Điều 722, 723, 724, 725 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 167, Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 3, 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2004;

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị B đối với thửa đất số 427 diện tích 1.386,1m² (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m²) lập ngày 22/11/2007 và thửa đất số 623, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.978,1m², tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Huỳnh Thị B đứng tên tại thửa đất số 623 cấp ngày 05-01-2008 và thửa đất số 55 cấp ngày 23/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp.

Công nhận cho hộ ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B được quyền sử dụng thửa đất số 623, diện tích 1.978,1m² tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 427 diện tích 1.386,1m² (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.332,5m²) cùng tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có sơ đồ kèm theo).

Hộ ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B có quyền đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B được quyền sở hữu đối với cây trồng, nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 623 và thửa đất 55.

Buộc ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị Bé B có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B 13.000.000đồng tiền chuộc đất và 27.000.000đồng tiền giá trị đất tổng cộng là 40.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án dân sự (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 7.100.000đồng. Bà Huỳnh Thị B phải chịu 3.550.000đồng. Ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B phải chịu 3.550.000đồng. Bà Huỳnh Thị B đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B có nghĩa vụ nộp số tiền 3.550.000đồng để trả lại cho bà Huỳnh Thị B.

Về án phí:

Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.750.000đ (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 024052 ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị B số tiền là 2.550.000đ (*hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (*một triệu đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 2.750.000đồng số 026079 ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn S và bà Huỳnh Thị Bé B số tiền là 1.750.000đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo thu số 0008987 ngày 11/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện VL;
- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự; (theo địa chỉ)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Ngừng

